SỞ GD & ĐT TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 155/QĐ – CĐSP

Bà Rịa, ngày 10 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp cho sinh viên chính quy

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng quy định tại Điều 11, Điều lệ Trường Cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT – BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ – BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư số 57/TT - BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp ngày 09/9/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp hệ cao đẳng chính quy cho 186 sinh viên chính quy khóa 22 và các khóa trước *(danh sách kèm theo)*. Cụ thể như sau:

Khóa	Xếp loại				Tổng
	Xuất sắc	*Giỏi*	*Khá*	*Trung bình*	
19 (2015-2018)			2	3	5
21 (2017-2020)		1	4	1	6
22 (2018-2021)	16	59	98	2	175
Tổng	**16**	**60**	**104**	**2**	**186**

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được hưởng quyền lợi theo những quy định của Quy chế văn bằng hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo & Hợp tác Quốc tế, phòng Quản lý khoa học & Đảm bảo chất lượng, phòng Công tác sinh viên, trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- BGH ;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT & HTQT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

TS. HỒ CẢNH HẠNH

SỞ GD & ĐT TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN CAO ĐẲNG CHÍNH QUY KHÓA 22 VÀ CÁC KHÓA TRƯỚC ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THÁNG 9 NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 155/QĐ-CĐSP ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường CĐSP Bà Rịa - Vũng Tàu)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Dân tộc	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Ghi Chú
1	1515330018	Nguyễn Thị Thanh Mai	14/12/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	19D6SP	121	2.9	Khá	Tiếng Nhật Sư phạm	
2	1515220014	Bùi Thị Ngọc Hà	29/02/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	19DSP	117	2.53	Khá	Tiếng Anh Sư phạm	
3	1515220026	Trương Thụy Thùy Linh	22/08/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	19DSP	117	2.27	Trung bình	Tiếng Anh Sư phạm	
4	1515050001	Nguyễn Thị Châu	18/09/1997	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	19A5	109	2.29	Trung bình	Sư phạm Tin học	
5	1515050011	Dương Bảo Ngân	22/04/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	19A5	109	2.25	Trung bình	Sư phạm Tin học	
6	1715220004	Trương Minh Đạt	12/04/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh	21DSP	106	2.49	Trung bình	Tiếng Anh Sư phạm	
7	1715330010	Lương Nguyệt Thu	02/11/1999	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	21D6SP	121	2.93	Khá	Tiếng Nhật Sư phạm	
8	1715330015	Nguyễn Thị Cẩm Tú	17/08/1999	Bà Rịa-vũng Tàu	Nữ	Kinh	21D6SP	121	3.24	Giỏi	Tiếng Nhật Sư phạm	
9	1715010067	Phan Thủy Tiên	15/04/1999	Bà Rịa-vũng Tàu	Nữ	Kinh	21M2	95	2.82	Khá	Giáo dục Mầm non	
10	1715010107	Phan Thị Kim Tuyến	28/02/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	21M3	95	2.63	Khá	Giáo dục Mầm non	
11	1715010110	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	10/09/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	21M3	95	2.84	Khá	Giáo dục Mầm non	
12	1815020002	Hồ Thị Hồng Anh	28/02/2000	Đắk Lắk	Nữ	Nùng	22A4	99	3.60	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
13	1815020003	Nguyễn Thị Ngọc Bích	19/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.15	Khá	Giáo dục Tiểu học	
14	1815020005	Nguyễn Thị Thùy Dung	07/08/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.27	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
15	1815020006	Phan Thị Khánh Duyên	25/01/2000	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	22A4	99	3.19	Khá	Giáo dục Tiểu học	
16	1815020008	Cao Thị Hiền Hảo	20/10/1999	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	22A4	99	3.17	Khá	Giáo dục Tiểu học	
17	1815020007	Trần Thị Thu Hằng	04/07/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.39	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Dân tộc	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Ghi Chú
18	1815020010	Huỳnh Thị Kiều Huê	16/06/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Chơ ro	22A4	99	3.20	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
19	1815020011	Trần Thị Mỹ Huyền	23/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.16	Khá	Giáo dục Tiểu học	
20	1815020012	Nguyễn Thị Luận	18/04/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.38	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
21	1815020013	Trần Thị Thanh Ngân	13/11/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.22	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
22	1715020051	Vũ Mai Nhật Ngân	13/02/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.19	Khá	Giáo dục Tiểu học	
23	1815020015	Lê Thị Yến Nhi	12/02/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.06	Khá	Giáo dục Tiểu học	
24	1815020017	Giảng Ngọc Hoàng Oanh	14/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	2.92	Khá	Giáo dục Tiểu học	
25	1815020018	Huỳnh Thị Mỹ Phúc	11/10/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	2.92	Khá	Giáo dục Tiểu học	
26	1815020019	Lý Thị Minh Phúc	12/06/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.24	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
27	1815020021	Phạm Thị Trúc Phương	01/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.32	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
28	1815020020	Tô Thị Phương	30/08/2000	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	22A4	99	3.45	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
29	1815020022	Lý Thanh Quyên	06/04/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.13	Khá	Giáo dục Tiểu học	
30	1815020024	Lê Ngọc Thanh Tâm	29/06/2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	22A4	99	2.99	Khá	Giáo dục Tiểu học	
31	1815020023	Phan Thị Linh Tâm	24/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.10	Khá	Giáo dục Tiểu học	
32	1815020025	Huỳnh Thị Ngọc Thảo	07/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.41	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
33	1815020026	Nguyễn Thị Anh Thy	08/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.42	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
34	1815020028	Lê Hoàng Trang	25/07/2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	22A4	99	3.31	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
35	1815020029	Nguyễn Thị Đài Trang	04/09/2000	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	22A4	99	3.32	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
36	1815020027	Mai Nguyễn Hồng Trâm	26/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	2.93	Khá	Giáo dục Tiểu học	
37	1815020030	Ngô Thị Thùy Trinh	30/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.79	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
38	1815020032	Cao Thị Ái Xuân	18/07/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A4	99	3.67	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
39	1815050004	Đỗ Phú Nam	13/01/2000	Bà Rịa Vũng Tàu	Nam	Kinh	22A5	96	3.06	Khá	Sư phạm Tin học	
40	1815050005	Đỗ Thị Kim Ngọc	29/06/1999	Tây Ninh	Nữ	Kinh	22A5	96	3.55	Giỏi	Sư phạm Tin học	
41	1815050009	Đậu Kim Thoa	19/10/2000	Bà Rịa Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22A5	96	3.05	Khá	Sư phạm Tin học	
42	1815050008	Võ Trung Tín	07/05/2000	Bà Rịa Vũng Tàu	Nam	Kinh	22A5	96	2.79	Khá	Sư phạm Tin học	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Dân tộc	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Ghi Chú
43	1815020034	Ngô Thị Thu Hiền	29/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	2.93	Khá	Giáo dục Tiểu học	
44	1815020035	Nguyễn Trần Thùy Linh	08/07/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.28	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
45	1815020036	Nguyễn Phương Hồng Ngọc	15/12/1999	Tiền Giang	Nữ	Kinh	22C4	99	3.04	Khá	Giáo dục Tiểu học	
46	1815020038	Nguyễn Thị Hồng Nhung	13/02/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.17	Khá	Giáo dục Tiểu học	
47	1815020039	Nguyễn Thị Tú Oanh	05/11/2000	Nghệ An	Nữ	Kinh	22C4	99	3.40	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
48	1815020041	Trần Thị Thu Phương	07/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.16	Khá	Giáo dục Tiểu học	
49	1815020042	Phan Thị Bích Phượng	10/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	2.97	Khá	Giáo dục Tiểu học	
50	1815020043	Ngô Thị Quý	05/01/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	22C4	99	3.35	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
51	1815020044	Lê Thị Như Quỳnh	06/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.21	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
52	1815020046	Bùi Ngọc Giang Thanh	18/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.13	Khá	Giáo dục Tiểu học	
53	1815020048	Đặng Thị Thảo	26/03/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	22C4	99	3.65	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
54	1815020049	Nguyễn Thị Mỹ Thơ	22/10/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.46	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
55	1815020050	Phan Thị Bích Thuận	07/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.30	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
56	1815020052	Trần Thị Thanh Thúy	03/12/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	2.91	Khá	Giáo dục Tiểu học	
57	1815020056	Lại Thị Thu Thủy	12/11/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.02	Khá	Giáo dục Tiểu học	
58	1815020055	Nguyễn Thu Thủy	01/09/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.48	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
59	1815020064	Lê Thị Thanh Thúy	29/03/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.18	Khá	Giáo dục Tiểu học	
60	1815020057	Phạm Trương Thủy Tiên	28/06/2000	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	22C4	99	3.46	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
61	1815020059	Đinh Thị Thanh Tình	18/12/2000	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	22C4	99	3.32	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
62	1815020060	Đặng Thị Kiều Trinh	14/07/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.36	Giỏi	Giáo dục Tiểu học	
63	1815020065	Lê Thị Ngọc Trinh	26/05/1996	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.74	Xuất sắc	Giáo dục Tiểu học	
64	1815020062	Huỳnh Dương Tường Vy	30/07/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.10	Khá	Giáo dục Tiểu học	
65	1815020063	Lý Lê Phương Vy	06/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C4	99	3.15	Khá	Giáo dục Tiểu học	
66	1815220002	Ngô Nữ Hoàng Anh	10/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.73	Xuất sắc	Tiếng Anh Sư phạm	
67	1815220003	Mai Thị Ánh	29/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.63	Xuất sắc	Tiếng Anh Sư phạm	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Dân tộc	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Ghi Chú
68	1815220004	Hoàng Thị Thu Cúc	03/11/2000	Ninh Bình	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.43	Giỏi	Tiếng Anh Sư phạm	
69	1815220005	Lê Hà Hương Duyên	08/12/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	2.58	Khá	Tiếng Anh Sư phạm	
70	1815220041	Dương Thị Hương	24/10/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.49	Giỏi	Tiếng Anh Sư phạm	
71	1815220009	Hồ Thị Thùy Lan	06/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.12	Khá	Tiếng Anh Sư phạm	
72	1815220016	Nguyễn Tú Nguyên	03/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	2.81	Khá	Tiếng Anh Sư phạm	
73	1815220048	Phi Yến Nhi	11/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	2.33	Trung bình	Tiếng Anh Sư phạm	
74	1815220050	Hoàng Nguyễn Quỳnh Như	04/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.30	Giỏi	Tiếng Anh Sư phạm	
75	1815220052	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	17/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.26	Giỏi	Tiếng Anh Sư phạm	
76	1715220061	Dư Hoài Thanh	13/10/1993	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.80	Xuất sắc	Tiếng Anh Sư phạm	
77	1815220054	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	25/10/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.38	Giỏi	Tiếng Anh Sư phạm	
78	1815220028	Đỗ Thị Ngọc Tiên	18/02/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	2.97	Khá	Tiếng Anh Sư phạm	
79	1815220059	Nguyễn Kiều Trinh	29/01/2000	Kiên Giang	Nữ	Kinh	22DSP	106	2.89	Khá	Tiếng Anh Sư phạm	
80	1815220030	Nguyễn Phan Việt Trinh	20/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	2.92	Khá	Tiếng Anh Sư phạm	
81	1815220032	Lê Thị Hải Yến	17/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DSP	106	3.13	Khá	Tiếng Anh Sư phạm	
82	1815220013	Nguyễn Thị Khánh Mi	08/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DTM	108	3.19	Khá	Tiếng Anh Thương mại-Du lịch	
83	1815220045	Nguyễn Phạm Hoàn Mỹ	02/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DTM	108	3.82	Xuất sắc	Tiếng Anh Thương mại-Du lịch	
84	1815220018	Phạm Thị Hoàng Nhi	24/09/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DTM	108	2.72	Khá	Tiếng Anh Thương mại-Du lịch	
85	1815220057	Bùi Minh Tiến	20/02/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh	22DTM	108	3.50	Giỏi	Tiếng Anh Thương mại-Du lịch	
86	1815220058	Nguyễn Lê Quỳnh Trâm	29/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DTM	108	3.57	Giỏi	Tiếng Anh Thương mại-Du lịch	
87	1815220060	Lưu Trần Mỹ Uyên	15/12/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DTM	108	3.49	Giỏi	Tiếng Anh Thương mại-Du lịch	
88	1815220061	Nguyễn Thị Phương Uyên	15/12/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DTM	108	2.88	Khá	Tiếng Anh Thương mại-Du lịch	
89	1815220062	Trần Thị Mai Vi	16/04/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DTM	108	3.58	Giỏi	Tiếng Anh Thương mại-Du lịch	
90	1815220063	Mai Bùi Khánh Vy	05/12/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22DTM	108	3.53	Giỏi	Tiếng Anh Thương mại-Du lịch	
91	1815330002	Trần Thị Thúy Hằng	20/07/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22D6SP	121	3.31	Giỏi	Tiếng Nhật Sư phạm	
92	1815330005	Mai Thế Huy	05/10/2000	Thanh Hóa	Nam	Kinh	22D6SP	121	2.58	Khá	Tiếng Nhật Sư phạm	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Dân tộc	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Ghi Chú
93	1815330009	Nguyễn Thảo Phương	13/12/1996	Quảng Bình	Nữ	Kinh	22D6SP	121	3.76	Xuất sắc	Tiếng Nhật Sư phạm	
94	1815270001	Lê Thị Hồng Ánh	19/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C7	86	2.80	Khá	Quản trị văn phòng	
95	1815270002	Võ Hà Quỳnh Giang	23/09/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C7	86	2.85	Khá	Quản trị văn phòng	
96	1815270003	Đinh Xuân Hoàng	22/03/1999	Đắk Lắk	Nam	Kinh	22C7	86	2.99	Khá	Quản trị văn phòng	
97	1815270004	Nguyễn Hải My	18/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C7	86	2.93	Khá	Quản trị văn phòng	
98	1815270006	Nguyễn Thị Phương Nhi	08/11/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C7	86	3.20	Giỏi	Quản trị văn phòng	
99	1815270008	Bùi Thị Thu Thảo	11/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C7	86	3.63	Xuất sắc	Quản trị văn phòng	
100	1815270007	Đỗ Hồng Thắm	09/04/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C7	86	2.94	Khá	Quản trị văn phòng	
101	1815270010	Tống Kim Thùy	25/08/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C7	86	2.59	Khá	Quản trị văn phòng	
102	1815270012	Huỳnh Thị Anh Thư	17/06/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22C7	86	2.98	Khá	Quản trị văn phòng	
103	1815270011	Trương Trần Anh Tú	05/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nam	Kinh	22C7	86	2.97	Khá	Quản trị văn phòng	
104	1815260001	Phan Thị Thanh Bình	22/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22K	86	3.23	Giỏi	Kế Toán	
105	1815260002	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	31/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22K	86	3.42	Giỏi	Kế Toán	
106	1815260005	Phan Thị Trúc Ngân	18/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22K	86	3.02	Khá	Kế Toán	
107	1815260006	Phạm Thanh Nguyệt	30/08/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22K	86	2.74	Khá	Kế Toán	
108	1815260007	Dương Thị Hoài Sao	08/01/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22K	86	2.47	Trung bình	Kế Toán	
109	1815260008	Hoàng Thị Giang Thanh	07/04/2000	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	22K	86	3.75	Xuất sắc	Kế Toán	
110	1815260009	Dương Thị Thu Thảo	29/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22K	86	3.18	Khá	Kế Toán	
111	1815260011	Nguyễn Thị Thanh Xuân	06/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22K	86	3.01	Khá	Kế Toán	
112	1815010002	Nguyễn Thị Hồng Ánh	20/08/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	22M1	95	3.31	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
113	1815010003	Phan Thị Ngọc Ánh	25/07/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.93	Khá	Giáo dục Mầm non	
114	1815010004	Phạm Hương Bình	27/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.02	Khá	Giáo dục Mầm non	
115	1815010005	Nguyễn Thị Bảo Chân	16/10/1998	Bạc Liêu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.02	Khá	Giáo dục Mầm non	
116	1815010006	Huỳnh Phạm Kim Chi	21/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.19	Khá	Giáo dục Mầm non	
117	1815010008	Trần Phạm Mỹ Duyên	01/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.13	Khá	Giáo dục Mầm non	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Dân tộc	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Ghi Chú
118	1815010007	Trần Thị Mỹ Duyên	21/02/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.29	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
119	1715010082	Ngô Thị Cẩm Hà	20/11/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.81	Khá	Giáo dục Mầm non	
120	1815010010	Đặng Thị Hiền	06/09/2000	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	22M1	95	3.36	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
121	1815010013	Nguyễn Thị Lệ Huyền	03/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.34	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
122	1815010011	Đào Thị Hương	16/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.02	Khá	Giáo dục Mầm non	
123	1815010012	Nguyễn Thị Hường	30/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.30	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
124	1815010014	Huỳnh Thị Anh Kiều	04/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.23	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
125	1815010015	Huỳnh Thị Yến Linh	01/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.86	Khá	Giáo dục Mầm non	
126	1815010016	Nguyễn Thúy Linh	19/05/2000	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	22M1	95	2.71	Khá	Giáo dục Mầm non	
127	1815010017	Nguyễn Trương Thị Tuyết Mai	10/02/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.21	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
128	1815010018	Trần Thị Quế My	28/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.47	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
129	1715010019	Nguyễn Thị Ánh Nga	19/01/1999	Gia Lai	Nữ	Kinh	22M1	95	2.89	Khá	Giáo dục Mầm non	
130	1815010019	Nguyễn Trần Bảo Ngân	07/05/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.04	Khá	Giáo dục Mầm non	
131	1815010020	Trần Thị Phương Nghi	02/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.37	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
132	1815010022	Trương Thục Uyên Nhi	28/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.94	Khá	Giáo dục Mầm non	
133	1815010068	Lê Thị Thùy Nhung	11/02/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.93	Khá	Giáo dục Mầm non	
134	1815010024	Trần Thị Thúy Nhung	19/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.93	Khá	Giáo dục Mầm non	
135	1815010023	Úy Thảo Quỳnh Như	22/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.01	Khá	Giáo dục Mầm non	
136	1815010025	Trương Thị Kim Phương	22/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.94	Khá	Giáo dục Mầm non	
137	1815010026	Đào Thị Mỹ Quý	21/02/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Chơ ro	22M1	95	3.32	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
138	1815010027	Nguyễn Thị Yến Quỳnh	05/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.97	Khá	Giáo dục Mầm non	
139	1815010028	Trần Thiện Tâm	27/11/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.01	Khá	Giáo dục Mầm non	
140	1815010031	Huỳnh Thị Thu Thảo	09/11/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.07	Khá	Giáo dục Mầm non	
141	1815010029	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	02/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.94	Khá	Giáo dục Mầm non	
142	1815010030	Vũ Thị Thanh Thảo	19/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	2.85	Khá	Giáo dục Mầm non	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Dân tộc	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Ghi Chú
143	1815010032	Bồ Thị Hoài Thu	20/01/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.05	Khá	Giáo dục Mầm non	
144	1815010035	Lê Thị Thanh Thùy	06/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.09	Khá	Giáo dục Mầm non	
145	1815010033	Đoàn Ngọc Thanh Thúy	21/07/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.20	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
146	1815010036	Huỳnh Thị Thảo Ti	29/08/2000	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	22M1	95	3.03	Khá	Giáo dục Mầm non	
147	1815010037	Mai Ngọc Tiên	05/12/2000	Vĩnh Long	Nữ	Kinh	22M1	95	3.07	Khá	Giáo dục Mầm non	
148	1815010041	Trần Huỳnh Kim Trang	11/08/1999	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	22M1	95	3.79	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
149	1815010039	Hoàng Thị Trâm	19/09/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.15	Khá	Giáo dục Mầm non	
150	1815010042	Nguyễn Thị Kiều Trinh	14/09/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.61	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
151	1815010044	Hoàng Như Uyên	11/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.54	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
152	1815010045	Lê Thị Cẩm Vân	10/03/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M1	95	3.64	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
153	1815010047	Bùi Thị Kim Anh	19/05/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.34	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
154	1815010046	Phan Thị Quỳnh Anh	26/05/2000	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	22M2	95	3.09	Khá	Giáo dục Mầm non	
155	1815010048	Trần Thị Ngọc Anh	19/04/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.37	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
156	1815010049	Trần Thị Tú Anh	06/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.44	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
157	1815010050	A Ngọc Ánh	19/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Hoa	22M2	95	3.61	Xuất sắc	Giáo dục Mầm non	
158	1815010052	Cái Đoàn Khánh Dương	07/06/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	2.73	Khá	Giáo dục Mầm non	
159	1815010053	Trần Thị Thu Hà	05/09/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	2.82	Khá	Giáo dục Mầm non	
160	1815010055	Vũ Thị Mỹ Hằng	21/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	2.77	Khá	Giáo dục Mầm non	
161	1815010056	Nguyễn Thị Thu Hoài	29/07/2000	Thanh Hóa	Nữ	Kinh	22M2	95	3.19	Khá	Giáo dục Mầm non	
162	1815010057	Nguyễn Thị Len	24/11/2000	Nam Định	Nữ	Kinh	22M2	95	3.09	Khá	Giáo dục Mầm non	
163	1815010059	Đỗ Khánh Linh	23/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	2.96	Khá	Giáo dục Mầm non	
164	1815010062	Hồ Thị Nam	03/09/2000	Nghệ An	Nữ	Kinh	22M2	95	3.42	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
165	1815010064	Nguyễn Như Ngọc	13/12/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	2.64	Khá	Giáo dục Mầm non	
166	1815010066	Lê Thị Yến Nhi	24/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.05	Khá	Giáo dục Mầm non	
167	1815010067	Võ Thị Cẩm Nhung	18/04/2000	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	22M2	95	3.58	Giỏi	Giáo dục Mầm non	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Dân tộc	Lớp	Số TCTL	Điểm hệ 4	Xếp loại TN	Ngành/Chuyên ngành	Ghi Chú
168	1815010070	Nguyễn Gia Cát Phụng	24/11/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.14	Khá	Giáo dục Mầm non	
169	1815010071	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	20/01/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.47	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
170	1815010072	Võ Như Quỳnh	26/07/2000	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	22M2	95	3.23	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
171	1815010073	Đặng Thị Thanh Thảo	31/08/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.05	Khá	Giáo dục Mầm non	
172	1815010074	Lê Thị Thảo	10/11/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	2.78	Khá	Giáo dục Mầm non	
173	1615010052	Nguyễn Hoàng Phương Thảo	11/09/1998	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	2.92	Khá	Giáo dục Mầm non	
174	1815010075	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/10/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.16	Khá	Giáo dục Mầm non	
175	1815010077	Bùi Thị Thanh Thúy	11/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.07	Khá	Giáo dục Mầm non	
176	1815010078	Trịnh Thị Thanh Thúy	18/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.32	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
177	1815010079	Trần Thị Thủy Tiên	14/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.05	Khá	Giáo dục Mầm non	
178	1815010084	Dương Phương Trang	29/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.39	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
179	1815010085	Lưu Thị Thùy Trang	13/04/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	2.87	Khá	Giáo dục Mầm non	
180	1815010086	Nguyễn Thị Đoan Trang	07/12/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.06	Khá	Giáo dục Mầm non	
181	1815010082	Nguyễn Thị Huyền Trang	25/09/2000	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	22M2	95	3.09	Khá	Giáo dục Mầm non	
182	1815010080	Nguyễn Thị Bích Trâm	30/09/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.08	Khá	Giáo dục Mầm non	
183	1815010081	Lê Thị Hương Trầm	17/04/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.32	Giỏi	Giáo dục Mầm non	
184	1815010088	Nguyễn Thị Xuân Uyên	20/06/1999	TP Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	22M2	95	2.85	Khá	Giáo dục Mầm non	
185	1815010089	Võ Thị Bích Vân	08/01/1999	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	2.81	Khá	Giáo dục Mầm non	
186	1815010090	Nguyễn Thị Thảo Vi	11/01/2000	Bà Rịa - Vũng Tàu	Nữ	Kinh	22M2	95	3.15	Khá	Giáo dục Mầm non	

Danh sách có 186 sinh viên

Người lập bảng

Lê Thị Bích Mai

Count of Mã SV	
Xếp loại TN	Total
Giỏi	60
Khá	104
Trung bình	6
Xuất sắc	16
Grand Total	186

HIỆU TRƯỞNG

TS. HỒ CẢNH HẠNH